

ĐẶC ĐIỂM PHẬT GIÁO THÁI LAN

Đặng Văn Chương

Khoa Lịch sử, Trường Đại học Sư phạm, Đại học Huế

Email: dangvanchuongdhsp@gmail.com

Ngày nhận bài: 23/4/2024; ngày hoàn thành phản biện: 25/4/2024; ngày duyệt đăng: 10/6/2024

TÓM TẮT

Tính từ khi nhà nước Thái đầu tiên ra đời (1238) cho đến nay (2024) đã trải qua gần tám thế kỷ, Phật giáo nguyên thủy, *Theravada* luôn được chọn làm quốc giáo, cho dù thời đại có nhiều thay đổi. Phật giáo ảnh hưởng sâu sắc đến mọi mặt ở Thái Lan từ chính trị, kinh tế đến văn hoá, xã hội. Phật giáo Thái Lan vận hành theo đường xoáy tròn ốc từ tiếp nhận, sáng tạo đến lan toả và Phật giáo như là quyền lực mềm góp phần nâng cao vị thế Thái Lan ở khu vực và quốc tế. Hai nước láng giềng Việt Nam và Thái Lan có mối quan hệ lâu đời về nhiều mặt, trong đó có Phật giáo. Từ 2014, hai nước đã thiết lập quan hệ đối tác chiến lược; từ đó, giao lưu, trao đổi, hợp tác giữa hai nước nói chung và Phật giáo nói riêng ngày càng phát triển. Bài viết trình bày và phân tích ba đặc điểm chủ yếu nói trên của Phật giáo Thái Lan dưới góc nhìn liên ngành tôn giáo, văn hoá, chính trị - ngoại giao.

Từ khoá: Quốc giáo, tư tưởng chính thống, sáng tạo, quyền lực mềm.

MỞ ĐẦU

Việt Nam và Thái Lan, hai nước ở Tiểu vùng sông Mekong là thành viên của khối ASEAN có mối quan hệ lịch sử lâu đời, có nhiều điểm tương đồng về văn hoá, nhất là Phật giáo. Nếu Phật giáo như là quốc giáo ở Việt Nam chỉ dưới hai triều đại Lý và Trần thì Phật giáo ở Thái Lan luôn là quốc giáo trong suốt chiều dài lịch sử của quốc gia này, đây là nét đặc biệt của Phật giáo Thái Lan. Chính vì vậy, bài báo tập trung nghiên cứu và lần lượt trình bày, phân tích ba đặc điểm nổi bật của Phật giáo Thái Lan từ ngày lập quốc cho đến hiện nay. Từ đó gợi mở cho người đọc suy ngẫm về mối quan hệ cũng như tác động qua lại giữa chính trị và tôn giáo của từng quốc gia trong bối cảnh lịch sử văn hoá cụ thể của nó để mang lại lợi ích cao nhất cho quốc gia dân tộc.

1. PHẬT GIÁO THERAVEDA - HỆ TƯ TƯỞNG CHÍNH THỐNG CỦA THÁI LAN TỪ KHI LẬP QUỐC CHO ĐẾN NAY

Ngay khi vương quốc người Thái đầu tiên - Sukhothaya ra đời (1238), giới cầm quyền chọn Phật giáo Theravada từ Sri Lanka làm quốc giáo; từ đó Phật giáo trở thành tư tưởng chính thống của giới cầm quyền và nhân dân trong suốt chiều dài lịch sử. Thái Lan theo khuôn mẫu Theravada từ Sri Lanka, nhưng lại dung hợp cả những dòng Phật giáo có từ trước đó¹ trên lãnh thổ Thái Lan, kể cả tín ngưỡng thờ thần linh của người Thái cổ đều được giải thích theo quan điểm Phật giáo để bảo tồn, làm phong phú thêm văn hoá truyền thống. Phật giáo Thái Lan luôn nhấn mạnh về luật nhân quả, thuyết luân hồi, bám sát các vấn đề nhân sinh để hành động theo các quy phạm đạo đức vốn đã được đề cao trong Phật giáo. Tất cả nhằm mục đích hướng đến một đời sống tốt đẹp hơn, an bình, hạnh phúc hơn ở hiện tại, không quá bận tâm vào sự giải thoát, niết bàn ở kiếp sau.

Trong suốt tiến trình lịch sử Thái Lan, kể cả vương quốc Lanna, Phật giáo luôn được xác lập vị thế quốc giáo, dưới sự bảo hộ của Hoàng quyền.

Dưới vương triều *Sukhothaya* (1238 - 1438), các vị vua có vai trò rất quan trọng trong việc nghiên cứu, dịch thuật kinh điển Tam tạng Pali; thiết lập mô hình tổ chức Giáo hội/Tăng đoàn và phát triển văn hoá, giáo dục, nghệ thuật... Nhờ đó, sau 200 năm tồn tại, người Thái đã xây dựng được mô típ Phật giáo Sukhothaya; về sau, phong cách này đã ảnh hưởng sâu sắc đến Phật giáo của các nhà nước người Thái đến sau². Có thể nói trong số 8 vị vua của vương triều Sukhothaya thì vua *Ramkhamhaeng* và vua *Lithai* để lại nhiều dấu ấn quan trọng cho sự ổn định và phát triển lâu dài của Phật giáo. Trong lịch sử Thái Lan nói chung, chăm lo cho Phật giáo cũng tức là chăm lo nhân dân cho dân tộc.

Ramkhamhaeng (1279 - 1298) là một trong bảy vị đại vương của lịch sử Thái Lan. Ông không chỉ nổi tiếng về mở rộng lãnh thổ, phát triển ngoại giao, sáng tạo ra chữ viết, tiền tệ mà còn thiết lập cơ cấu tổ chức Tăng đoàn/Giáo hội và truyền bá Tam tạng kinh điển Pali từ các vị cao tăng Sri Lanka cho Sukhothaya và xây dựng nhiều chùa chiền, tu viện, lớn nhất là ngôi chùa hoàng gia Mahathat. Tổ chức Tăng đoàn gồm 5 bậc. Cao nhất là Tăng vương/ vua sãi, dưới Tăng vương là Tăng già tôn trưởng, dưới Tăng già tôn trưởng là Nhà sư đứng đầu tỉnh, tiếp đó là Tu viện trưởng và cuối cùng là

¹ Trước khi nhà nước Sukhothaya ra đời, ở Thái Lan đã từng tồn tại Phật giáo nguyên thủy của người Môn, Phật giáo Theravada từ vương triều Pagan (Myanmar), Phật giáo Đại Thừa của người Khmer, Phật giáo Mật tông, đạo Bà la môn, tín ngưỡng bản địa...

² Lịch sử Thái Lan là một quá trình mở rộng lãnh thổ gắn liền với thống nhất dân tộc Thái. Từ nhà nước Thái Sukhothaya (1238), đến Thái Lanna (1296), Thái Ayuthaya (1350), Thái Thonburi (1767) và sau cùng là Thái Rattanakosin (1782).

các nhà sư. Hệ thống tổ chức Tăng đoàn này vẫn còn tồn tại trong Phật giáo Thái Lan hiện nay.

Lithai (1347 - 1368), vị vua Phật tử anh minh và từ ái, kể cả những kẻ đối đầu với Sukhothaya nhà vua vẫn đối xử nhân từ. Trong thời gian trị vì, nhà vua đã cho xây chùa và đúc tượng Phật rất nhiều; ủng hộ, đào tạo Tăng tài hoàng dương Chánh pháp. Đặc biệt, ông đã xuất gia tu học và sáng tác những tác phẩm văn học có giá trị cho đời.

Vua Lithai đã soạn ra bộ luật *Traibhūmikathā*, mang tính chất giáo dục hàng đầu với ý nghĩa đề cập đến *ngiệp thiện* và *ngiệp ác*; tùy theo đó mà mỗi người có địa vị khác nhau trong xã hội. Về khái niệm tốt và xấu, công đức hay tội ác được nêu lên nhằm thúc đẩy và điều chỉnh xã hội, từ đó phục vụ cho vị trí của các cá nhân trong hệ thống thứ bậc của xã hội bấy giờ. Về biện pháp trừng trị nếu phạm tội cũng tùy theo địa vị trong xã hội, đối với người có địa vị cao trong xã hội thì cần nghiêm trị hơn so với người có địa vị thấp hơn. Như vậy, nhà vua Lithai đã sử dụng biện pháp công đức và xử phạt trong giáo dục Phật giáo như một công cụ để quản lý, kiểm soát xã hội và duy trì quyền lực của giới cầm quyền.

Vương triều **Ayutthaya** ra đời (1350) ở hạ lưu sông Chao Phraya (Menam) trong khi vương triều Sukhothaya vẫn tồn tại và hai nhà nước lại cạnh tranh, thôn tính lẫn nhau; cuối cùng Sukhothaya bị sáp nhập vào Ayutthaya. Tuy vậy, vua **Ramathibodi I**, người sáng lập ra vương triều Ayutthaya vẫn quyết định lấy Phật giáo Theravada có nguồn gốc từ Sri Lanka làm *quốc giáo* (như Phật giáo Sukhothaya). Dưới thời trị vì của mình, vua Ramathibodi I (1350-1369) đã ban hành bộ luật *Dharmashastra* theo tinh thần Phật giáo, đây là *bộ luật đầu tiên* của Thái Lan, bộ luật này nó có giá trị cho đến cuối thế kỷ XIX, khi Thái Lan tiếp nhận văn hoá, luật pháp phương Tây. Những chính sách mới mà nhà vua ban hành hầu hết đều xuất phát và ảnh hưởng từ giáo lý Phật giáo. Nổi bật là 10 điều luật quan trọng tương đồng với tinh thần 10 điều răn dạy của Đức Phật. Đó là: bố thí, nhân từ, đức hạnh, công bình, thân ái, nhu mì, ôn hòa, nhẫn nhục, ăn năn, bi mẫn. Đây cũng là yêu cầu cần có của một vị vua, nhà vua nào đạt được 10 đức tính này gọi là Thập vương pháp (tương tự như khái niệm vương đạo của Nho gia), xuất phát từ *tư tưởng lấy đức để trị*.

Dưới triều đại **Thonbury** (1767 - 1782) ngắn ngủi, vua Taksin cũng tuyên bố Phật giáo là quốc giáo. Tiếp theo vương triều **Rattanakosin** ra đời năm 1782, đóng đô ở Bangkok tồn tại đến nay, vẫn chọn Phật giáo làm quốc giáo. Hầu hết các vị vua trong 4 triều đại trên của Thái Lan đều thấm nhuần và lãnh đạo dân chúng theo những quy phạm đạo đức của Phật giáo.

Tóm lại, Phật giáo Theravada luôn được chọn làm quốc giáo, trở thành hệ tư tưởng chính thống của vương quốc Thái Lan từ khi lập quốc (1238) cho đến nay (2024). Vương quyền dựa vào Phật giáo để ổn định xã hội, quản lý đất nước và Phật giáo dựa vào vương quyền để củng cố Tăng đoàn. Đưa đến hệ quả Tăng đoàn đã trở thành một

phần của bộ máy quốc gia và ngược lại, quốc gia xem Phật giáo như là bản sắc chung của dân tộc nên cần được bảo vệ, tôn trọng và phát triển.

2. TIẾP NHẬN, SÁNG TẠO, LAN TOẢ - CHU TRÌNH PHÁT TRIỂN PHẬT GIÁO THÁI LAN

Cũng như Phật giáo nhiều nước ở khu vực Đông Nam Á lục địa, Thái Lan *tiếp nhận Phật giáo Theravada* từ Sri Lanka ngay từ buổi đầu lập quốc. Trong quá trình đó, các vương quốc người Thái luôn quan tâm đến nghiên cứu, dịch thuật, hiệu đính Tam Tạng kinh điển từ nhiều nguồn khác nhau. Tại kinh đô Chiang Mai của vương quốc Thai - Lanna³ vào năm 1477 dưới sự bảo trợ của vua Tilokaraj đệ tam (1441 - 1487) của Lanna và sự lãnh đạo của Trưởng lão Dharmadinna, một Đại hội kết tập kinh điển Phật giáo kéo dài trong một năm được tổ chức tại chùa Bodhivamsa, kết quả một số văn bản kinh sách quan trọng đã được biên soạn [3, tr. 37]. Có thể nói, đây là Đại hội đầu tiên tại Thái Lan thể hiện sự nghiên cứu chuyên sâu về Phật giáo trong giai đoạn này và được xem là đại hội kết tập kinh điển Phật giáo thế giới lần thứ năm⁴.

Đặc biệt, dưới vương triều Rattanakosin, vào năm 1888 vua Mongkut (Rama IV) đã tổ chức biên tập lại Tam Tạng tiếng Pali, được hoàn thành vào năm 1893 với tổng số 39 quyển. Đây là một bộ Tam Tạng tiếng Pali đầu tiên trên thế giới được in trên giấy (trước đây chỉ viết trên lá bối) [3, tr. 831]. Bộ Tam Tạng này về sau được ấn tống để gửi tặng các nước có tín ngưỡng Phật giáo trên thế giới. Đến năm 1934, Vua Rama VII (1926 - 1935) đã cho cải biên Tam Tạng kinh điển nói trên lại thành 45 tập; đến năm 1940, vua Rama VIII (1935 - 1946), đã tập hợp hơn 200 vị tăng sĩ tinh thông ngôn ngữ Pali dưới sự chỉ đạo của vị Tăng thống Tissadeva phiên dịch ra tiếng Thái cho đến năm 1952 hoàn tất, tổng cộng 70 tập, trong đó Tạng Kinh có 42 tập, Tạng Luật có 13 tập và Tạng Luận có 25 tập, kinh phí cho công trình vĩ đại này được hỗ trợ của Chính phủ và đóng góp của nhân dân Thái lúc bấy giờ. Dưới triều đại vua Rama IX (1946 - 2016), vào năm 1987, nhà vua đã cho lưu giữ bộ Tam Tạng nói trên trong hệ thống điện tử CD-ROM, bao gồm các thứ tiếng Pali, Khmer, Myanmar, Srilanka và Thái, tổng cộng có 115 quyển, 50.189 trang và 210 tỷ chữ [7].

Như vậy, thực chất tiếp nhận Phật giáo của người Thái gắn liền với quá trình nghiên cứu, dịch thuật, chỉnh lý, hoàn thiện và phổ biến kinh Tam tạng nổi tiếng của Phật giáo, nhờ đó Thái Lan nổi lên như một trung tâm Phật giáo của khu vực. Bên cạnh đó, hệ thống tổ chức Phật giáo được thiết lập dưới thời Sukhothaya được các vương

³ Vương quốc Thai-Lanna ra đời năm 1296, đóng đô tại Chiang Mai, bị sáp nhập chính thức vào Thái Lan năm 1902

⁴ Lần 1,2,3 diễn ra ở Ấn Độ, lần 4 diễn ra ở Srilanka, lần 5 ở Thái Lan, lần 6 và 7 diễn ra ở Myanmar.

triều người Thái đến sau tiếp nhận, thực hiện và bảo tồn, lan toả cho đến hiện nay.

Chính nhờ những tiền đề cần thiết nói trên, Phật giáo Thái Lan đã đáp ứng được mong muốn của Nhà nước và Phật giáo Sri Lanka vào giữa thế kỷ XVIII. Thế theo Thư đề nghị của Nhà nước Srilanka, năm 1753, vương triều Ayutthaya đã cử một phái bộ Phật giáo sang Sri Lanka để hoàng dương Chánh pháp, chấn chỉnh Tăng già vì Phật giáo ở đây đã bị suy yếu, khủng hoảng dưới sự chiếm đóng của các thế lực phương Tây. Hệ phái Phật giáo Thái Lan truyền bá đến Sri Lanka vẫn tồn tại cho đến ngày nay. Có thể nói, đây là lần đầu tiên Phật giáo Thái Lan truyền bá, *lan toả* lớn nhất của ra nước ngoài.

Với bề dày khoảng 600 năm (1238 - 1833) tồn tại và phát triển, đến nửa đầu thế kỷ XIX (1833) trong bối cảnh tiếp cận văn hoá phương Tây, người Thái đã *sáng tạo* ra một hệ phái Phật giáo mới với tên gọi Dhammayuttika, nghĩa là trung thành với Chánh pháp Đức Phật. Sau khi ra đời, hệ phái này đã truyền bá nhanh chóng trong và ngoài nước; trở thành một trong hai hệ phái Phật giáo lớn nhất của Thái Lan hiện nay.

Người sáng lập ra hệ phái này (vào năm 1833) chính là hoàng tử Mongkut trong thời gian xuất gia đi tu ở chùa Bowonniwet Vihara (Bangkok). Tại đây, Mongkut đã cho xây dựng một viện nghiên cứu Pāli để khuyến khích đệ tử của mình học Pāli và đây cũng là trung tâm hành chính của hệ phái Dhammayuttika tồn tại cho đến ngày nay. Bên cạnh đó, Mongkut lại âm thầm tài trợ cho việc xây dựng các trung tâm hệ phái Dhammayuttika mới ở Thủ đô Bangkok và các tỉnh thành khác.

Trong giai đoạn đầu, hệ phái Dhammayuttika đã được sự hưởng ứng nhiệt thành của các nhà sư uy tín ở Thủ đô và các thành phố lớn, họ là những người đi đầu trong công cuộc cải cách mới⁵. Đầu thế kỷ XX, hệ phái truyền bá nhanh chóng xuống các tỉnh miền Nam. Trong giai đoạn này có sự đóng góp và hộ trì của thiền sư Ajarn Mun⁶ (1920 - 1930) là thời kỳ hoàng kim của hệ phái Dhammayuttika tại miền nam Thái Lan.

Năm 1932, Somdet Phra Maha Viravongs (Uwon Tisso) là Thống đốc Giáo hội của tỉnh Nakhon Ratsima đã đánh giá cao tầm quan trọng của nền giáo dục có hệ thống trong thực hành thiền định của hệ phái Dhammayuttika. Ông đã đề nghị Hòa thượng Phra Ajarn Singh Khattiyamo dạy thiền cho cả tu sĩ lẫn cư sĩ trên khắp cả nước.

⁵ Đó là các nhà sư tiên phong như: 1. Wachirayaan (con trai vua Mongkut), Phromasaro "Suk", 2. Panyaa-akho, 3. Thammarakhito "That", 4. Sophito "Fak", 5. Suwathano "Reuang" (tất cả đều đến từ chùa Bowonniwet), 6. Thammasiri "lam" hoặc "Phum" (chùa Khreuawan), 7. Phutthisano "Nop" (chùa Bupphaaram), 8. Phra Sangkharaat "Pusso Saa" (chùa Raatchapradit), và 9. Phutthasiri "Thap" (Wat Somanat).

⁶ Ajarn Mun là đệ tử của Ajarn Sao Kantisilo (1861 - 1914) và Ajarn Sao Kantisilo là đệ tử của Than Thewatham "Mao".

Đây là nguồn gốc sâu xa để hành thiền và hình thành các trung tâm thiền sau này, hiện đang rất phổ biến ở Thái Lan.

Hệ phái Dhammayuttika phát triển đến miền Đông Bắc của Thái Lan rất thịnh vượng bởi các nhà sư được vua Mongkut tín nhiệm. Khi Mongkut còn là một nhà sư đã cử Ajaan Sui (Than Jao) đến tỉnh Ubon Ratchathani (Đông Bắc Thái Lan). Nhà sư này nghiên cứu tiếng Pali, tiếng Thái, cùng với việc thực hành đúng theo giáo lý Phật giáo và được Mongkut tán thành. Năm 1851, Mongkut lên ngôi, hiệu là Rama IV cho thành lập tu viện Dhammayuttika đầu tiên ở tỉnh Ubon, thuộc vùng Đông Bắc Thái Lan ngày nay. Tại đây, nhiều cao tăng của Dhammayuttika thay nhau trụ trì và không ngừng mở rộng phạm vi ảnh hưởng trong vùng Đông bắc rộng lớn. Nhiều tu viện được xây dựng hầu khắp trong các tỉnh vùng Đông Bắc trong một thời gian ngắn, bao gồm: “chùa Sithong, chùa Supatanaram, chùa Suthatsanaram, chùa Chaiyamongkon, chùa Sakaew tại Meuang Phibunmangsahan, và chùa Horkorng tại Mahachanachai” [5, tr. 47].

Do sự phát triển nhanh chóng của tín đồ Dhammayuttika ở Đông Bắc Thái Lan, trong giai đoạn này đã có hai khuynh hướng tu tập ra đời. Đó là Vajiranyana (Arannavasi - trong rừng) và Wannarat (Gamavasi - thành phố). Kể từ thời điểm đó, hệ phái Dhammayuttikanikāya đã công nhận cả hai khuynh hướng/hai phương thức này. *Wannarat* chỉ những người tu hành ở các thành phố lớn như Bangkok hoặc Chiang Mai... Họ là những người chuyên chú trong việc học kinh điển Pali trong khi vẫn đáp ứng các yêu cầu tâm linh của dân chúng. Họ thực hiện các nghi lễ ban phước cho những ngôi nhà mới xây, cho những chiếc xe mới mua, hay trừ tà,... *Arannavasi* là chỉ những người tu ở trong rừng, tức là những tu viện Dhammayuttika ở các vùng nông thôn, rừng núi đặc biệt là ở Đông Bắc Thái Lan. Họ hướng dẫn và sắp xếp một số nghi lễ dân gian cho dân làng. Các nghi lễ đó giống như truyền thống Mahānikāya, phái chiếm đa số trong Phật giáo Thái Lan. Điều đó cho thấy rằng Dhammayuttika tùy duyên, nhập thế, tương tác với niềm tin của dân làng. Sau khi vua Rama IV qua đời (1868), hệ phái Dhammayuttika theo phong cách của *Wannarat* trở nên phổ biến hơn và cũng từ đây xuất hiện nhiều thiền sư nổi tiếng ở Thái Lan và trên thế giới.

Hệ phái Dhammayuttika không chỉ phát triển trong nước mà lan toả nhanh chóng ra bên ngoài, trước hết các nước láng giềng khu vực như Campuchia, Lào, Việt Nam, Indonesia, Malaysia, Trung Quốc, Ấn Độ, Nhật Bản, Hàn Quốc, Australia, New Zealand rồi đến châu Âu như Pháp, Na uy, Phần Lan, Anh, Đức, Thụy Điển, Đan Mạch... đến châu Mỹ như Hoa Kỳ, Canada... [5, tr.62]

3. PHẬT GIÁO NHƯ LÀ QUYỀN LỰC MỀM GÓP PHẦN NÂNG CAO VỊ THẾ THÁI LAN Ở KHU VỰC VÀ QUỐC TẾ TRONG THỜI ĐẠI NGÀY NAY

Đối với một quốc gia, ngoài quyền lực “cứng” như kinh tế, quân sự... thì cần chú trọng đến quyền lực “mềm” như văn hoá quốc gia, chính trị quốc gia và chính sách của quốc gia đó.

Tại Thái Lan, Phật giáo có đầy đủ các yếu tố này. Từ khi lập quốc cho đến nay, Phật giáo luôn có một vị trí đặc biệt quan trọng trong xã hội; nên suốt chiều dài lịch sử, các vị vua đều sử dụng Phật giáo như một quyền lực mềm, trong văn hóa, chính trị và chính sách quốc gia một cách khéo léo để xây dựng và phát triển đất nước.

Về yếu tố văn hóa quốc gia, Phật giáo không chỉ ăn sâu vào đời sống văn hoá tinh thần mà còn ảnh hưởng sâu sắc đến văn hoá vật chất của người dân Thái. Từ các lễ hội quốc gia cho đến vòng đời tâm linh của người Thái đều gắn liền với Phật giáo dưới sự hướng dẫn và giúp đỡ của các nhà sư đáng kính. Phần lớn các công trình xây dựng quốc gia, công cộng... đều do các nhà sư giám sát, quản lý bên cạnh các nhà chuyên môn. Nhiều giá trị cốt lõi của đạo Phật đã được vận dụng khéo léo, thích hợp trong giáo dục, văn hoá nghệ thuật, pháp luật... để cho nhân dân hiểu biết thêm và thậm chí thấm nhuần giáo lý nhân quả, nghiệp báo cũng như triết lý sâu sắc của đạo Phật, từ đó giúp cho người dân Thái biết sống theo khuôn khổ và đạo đức. Đa phần người dân Thái đều thể hiện sự hiền hoà, khiêm tốn và lịch thiệp, cởi mở trong giao tiếp cũng như trong công việc. Cho nên, việc thừa nhận và tán dương vai trò của Phật giáo trong văn hoá Thái Lan là một điều tự nhiên, thống nhất và cần thiết.

Chính nhờ văn hoá truyền thống này, Phật giáo đã trở thành ngọn cờ *thống nhất tư tưởng* của các sắc tộc Thái và thu hút các tộc người khác trên lãnh thổ Thái Lan.

Về yếu tố chính trị quốc gia, bản chất Phật giáo ra đời không nhằm mục đích phục vụ chính trị nhưng Phật giáo là một tôn giáo có nét đặc trưng hướng thiện, bình đẳng và từ bi giáo hóa mọi người, không phân biệt chủng tộc, đẳng cấp, địa vị xã hội. Và lịch sử đã chứng minh Phật giáo đã trở thành niềm tin, lẽ sống của nhân dân Thái, nên được giới cầm quyền sử dụng trong đời sống chính trị quốc gia cũng là điều dễ hiểu.

Phật giáo và chính trị ở Thái Lan gắn bó chặt chẽ với nhau. Điều này thể hiện trước hết ở Hiến pháp quy định nhà vua là người bảo trợ cho Phật giáo và Tăng già, còn Phật giáo và Tăng già được xem là báu vật của chính thể và biểu trưng của tính chính thống. Vương quyền dựa vào Phật giáo để khoác lên việc quản lý đất nước một chiếc áo đạo đức. Phật giáo dựa vào vương quyền để củng cố Tăng đoàn, nói cách khác là đặt Tăng đoàn dưới sự bảo trợ và quản lý của vương quyền nhằm tăng cường thêm tính chính đáng và uy tín. Chức sắc Tăng đoàn được nhà vua bổ nhiệm, ngược lại nhà

vua xem Phật giáo như là bản sắc chung của cả một dân tộc cần được bảo vệ và tôn thờ [2, tr.31].

Về yếu tố chính sách (đối nội và đối ngoại), hầu hết các vị vua Thái đều thấu hiểu giáo lý “Tứ diệu đế” cơ bản của Đức Phật và vận dụng nó một cách linh hoạt trong chính sách đối nội cũng như đối ngoại để góp phần “giải khổ” cho dân chúng, bảo vệ độc lập cho tổ quốc. Tấm lòng bao dung độ lượng của Phật giáo đã ảnh hưởng sâu sắc đến nhận thức của vua Rama IV và Rama V về các nước phương Tây một cách rất tích cực, mặc dù các nước này đang đe dọa nghiêm trọng nền độc lập và chủ quyền của Thái Lan vào giữa thế kỷ XIX lúc bấy giờ. Phải chăng hai vị vua này đã tiếp thu chữ “Nhẫn” trong đạo Phật, để thực hiện chủ trương đón các nước phương Tây bằng những hiệp ước bất bình đẳng, mở rộng cửa để tiếp thu cái mới, khi không đủ khả năng chống chọi lại; chủ động lùi một bước, nhẫn nhịn tránh xung đột vũ trang, gây bất lợi cho đất nước. Vì lợi ích quốc gia, các vị vua biết hy sinh cái nhỏ để giữ cái lớn. Sự hy sinh này thể hiện tầm nhìn xa và nghệ thuật ngoại giao của những nhà cầm quyền đã giúp Thái Lan tồn tại như một quốc gia độc lập, hoà bình duy nhất trong khu vực, khác hẳn với nhiều nước Đông Nam Á thời bấy giờ.

Phật giáo Theravada đã đồng hành cùng các nhóm dân tộc Thái khác nhau nhưng đều đã thống nhất trên lãnh thổ của vương quốc Thái Lan từ ngày lập quốc cho đến ngày nay; Phật giáo như sợi chỉ đỏ góp phần tạo nên bản sắc văn hoá trên nhiều lĩnh vực khác nhau và văn hoá Phật giáo Thái Lan không ngừng ảnh hưởng, lan toả ra khu vực và thế giới.

KẾT LUẬN

1. Trong suốt chiều dài lịch sử, Phật giáo Theravada luôn được giới cầm quyền chọn làm quốc giáo, được nhân dân đi theo ngưỡng mộ và tôn kính. Phật giáo Theravada là tư tưởng nhất thống của các sắc tộc Thái trên lãnh thổ Thái Lan từ xưa cho đến nay, mặc cho thời đại luôn thay đổi. Phật giáo là bản sắc của dân tộc Thái.

2. Trước những biến động có tính chất bước ngoặt về chính trị, kinh tế, văn hoá, tôn giáo... giữa Thái Lan với các nước phương Tây vào thế kỷ XIX, trước hết, người Thái đã củng cố, cải cách Phật giáo và trong quá trình đó, họ đã sáng tạo ra hệ phái hệ phái Phật giáo mới, Dhammayuttika. Đây chính là nền tảng *tư tưởng cơ bản* cho công cuộc cải cách quan trọng ở đất nước này từ giữa thế kỷ XIX trở đi, chuyển đổi đất nước theo mô hình phương Tây.

3. Giữa thế kỷ XVIII (1753), nhà nước Ayutthaya đã cử phái bộ Phật giáo đến truyền bá ra nước ngoài (Sri Lanka) và quá trình này được mở rộng có hệ thống hơn từ nửa sau thế kỷ XIX cho đến nay. Phật giáo Thái Lan nói chung và hệ phái Dhammayuttika nói riêng đã có mặt ở hầu khắp các quốc gia Đông Nam Á, Trung

Quốc, Nhật Bản, châu Âu, châu Mỹ, châu Đại dương... thể hiện tinh thần nhập thế của Phật giáo, quảng bá bản sắc văn hoá Thái Lan trong thời đại hội nhập đa văn hoá, đa tôn giáo như là một phương thức hiệu quả để góp phần nâng cao vị thế Thái Lan trên trường quốc tế.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. Mai Văn Bảo (người dịch), *Lịch sử nền thống trị Thái Lan*, tập 2 (1978). Bản dịch ở Viện Đông Nam Á, (Bản dịch mất tên tác giả), Hà Nội.
- [2]. Danh Lung, *Giáo trình Lịch sử Phật giáo Nam Truyền* (Lưu hành nội bộ).
- [3]. Thánh Nghiêm - Tịnh Hải (2008), *Lịch sử Phật giáo thế giới*, Nxb. Khoa học Xã hội, Hà Nội.
- [4]. Nguyễn Thị Quế (2007), *Phật giáo ở Thái Lan*, Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội.
- [5]. Trần Thị Minh Tuệ (Thích Nữ An Nhân) (2022), *Quá trình phát triển của Phật Giáo Thái Lan từ thế kỷ XVIII đến đầu thế kỷ XX*, *Luận văn Thạc sĩ*, Học viện Phật giáo Việt Nam tại Huế.
- [6]. Thích Nguyên Thành (2015), *Lịch sử Phật giáo Đông Nam Á (Tài liệu giảng dạy)*, Học viện Phật giáo Việt Nam tại Huế.
- [7]. Nguyễn Tạng và Nguyễn Chí (2013) <http://www.daophatngaynay.com/vn/phatgiao-qt/dat-nuoc/14260-phat-giao-tai-thai-lan.html>, 16/10/2021.
- [8]. Taylor, J.L. (1996), *Forest Monks and the Nation-State - An Anthropological and Historical Study in Northeastern Thailand*, Institute of Southeast Asian Studies, Singapore.
- [9]. Water Vella (1957). *Siam under Rama III*. Locust Valley, New York.

CHARACTERISTICS OF THAILAND BUDDHISM

Dang Van Chuong

Faculty of History, University of Pedagogy, Hue University

Email:dangvanchuongdhsp@gmail.com

ABSTRACT

Since the birth of the first Thai state in 1238 until now, nearly eight centuries have passed. Throughout this period, Thailand has consistently upheld Theravada Buddhism as the state religion, despite changing times. Buddhism has profoundly influenced all aspects of Thai life, including politics, economics, culture, and society. Thai Buddhism follows a spiral dynamic of reception, creation, and diffusion. As a form of soft power, Buddhism enhances Thailand's regional and international standing. Vietnam and Thailand, two neighboring countries, share a long-standing relationship in many areas, including Buddhism. Since establishing a strategic partnership in 2014, exchanges and cooperation between the two countries, especially in Buddhism, have increasingly developed. This article presents and analyzes the three main characteristics of Thai Buddhism from an interdisciplinary perspective encompassing religion, culture, politics, and diplomacy.

Keywords: State religion, official ideology, creativity, soft power.



Đặng Văn Chương sinh ngày 30/04/1961 tại Thừa Thiên Huế. Ông tốt nghiệp cử nhân ngành Lịch sử năm 1983 tại Trường Đại học Sư phạm Huế và thạc sĩ chuyên ngành Lịch sử Thế giới năm 2000 tại Đại học Montreal, Canada; nhận học vị tiến sĩ năm 2003 tại Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 1 và nhận học hàm PGS năm 2010. Ông công tác tại Khoa Lịch sử, trường Đại học Sư phạm, Đại học Huế từ năm 1983 đến nay.

Lĩnh vực nghiên cứu: Lịch sử Đông Nam Á cổ trung đại, Lịch sử Tôn giáo thế giới.